

Số: /KH-UBND

Tân Sơn, ngày 14 tháng 3 năm 2025

**KẾ HOẠCH**  
**Sản xuất và chuyển đổi cơ cấu cây trồng vụ Hè Thu năm 2025**

Thực hiện Công văn số 920/UBND-KT ngày 11/3/2025 của Ủy ban nhân dân huyện Ninh Sơn triển khai thông báo lịch đóng nước định kỳ năm 2025 và xây dựng Kế hoạch sản xuất và chuyển đổi cơ cấu cây trồng vụ Hè Thu 2025 trên địa bàn huyện.;

Căn cứ vào khả năng thực hiện sản xuất nông nghiệp vụ Hè Thu năm 2025. UBND thị trấn Tân Sơn lập Kế hoạch phân bổ diện tích, cơ cấu giống và thời vụ gieo trồng vụ Hè Thu 2025 như sau:

**I. Kế hoạch sản xuất vụ Hè Thu năm 2025:**

Tổng diện tích gieo trồng: **1064 ha**, trong đó:

\* **Cây lương thực có hạt: 541 ha.**

- Lúa: 381 ha.

- Bắp: 160 ha.

\* **Cây có chất tinh bột: 280 ha**

- Cây mì: 280 ha.

\* **Cây thực phẩm: 65 ha.**

- Đậu các loại: 15 ha, trong đó: Đậu xanh: 5 ha.

- Rau quả các loại: 50 ha.

\* **Cây CN ngắn ngày: 140 ha**

- Mía: 120 ha.

- Đậu phụng: 20 ha.

\* **Cây hàng năm khác: 38 ha**

- Cỏ chăn nuôi: 38 ha.

Căn cứ theo diện tích đất sản xuất của từng khu phố theo xứ đồng. UBND thị trấn phân bổ cho từng khu phố sản xuất trên các diện tích cụ thể: **(Kèm theo biểu sản xuất vụ hè thu năm 2025):**

**II. Cơ cấu giống và thời vụ gieo trồng:**

**1. Cây lúa:**

**1.1. Cơ cấu giống:**

Nên sử dụng các loại giống cấp xác nhận, giống ngắn ngày, cho năng suất cao, thích hợp với từng vùng, từng loại đất. Cơ cấu giống lúa đưa vào sản xuất vụ

Hè Thu 2025 được đánh giá kháng hoặc ít bị nhiễm rầy nâu, vàng lùn và lùn xoắn lá, dễ chăm sóc, năng suất cao, chất lượng tốt.

Gồm một số giống chủ yếu theo thứ tự như sau:

- Hạt dài: VND 95-20, OM 3536, OM 2031, KD18, OM 4498, OM 4900, HT1, OM6976.

- Hạt tròn: ML202, TH41 phục tráng, ML 214, TH6, TM10.

### **Lưu ý:**

+ Sử dụng giống cấp xác nhận, giống phục tráng kết hợp áp dụng kỹ thuật. Khuyến cáo bà con nông dân sử dụng lượng giống gieo 150kg/ha (tùy theo sạ hàng hay sạ lan); bón phân cân đối, hợp lý, hiệu quả. Áp dụng quy trình quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), quản lý nước trong ruộng lúa theo từng giai đoạn sinh trưởng và chủ động tưới theo quy trình ướt- khô xen kẽ nhằm tiết kiệm nước.

+ Các khu phố cần vận động nhân dân xuống giống tập trung, đồng loạt, né rầy cho từng vùng, từng cánh đồng. Tăng cường thực hiện các biện pháp phòng trừ quyết liệt, đồng bộ khi còn ở phạm vi nhỏ để giảm thiệt hại đến mức thấp nhất do sâu bệnh gây ra.

+ Những vùng tưới bấp bênh, vùng cuối kênh cần quyết liệt và có kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng (chuyển từ đất trồng lúa sang một số cây trồng cạn, sử dụng ít nước như mè đen, đậu xanh, bắp, cỏ chăn nuôi...) nhằm tăng hiệu quả sản xuất trên cùng đơn vị diện tích.

### **1.2. Thời vụ:**

Gieo từ ngày 01/5/2025 đến 20/5/2025.

### **2. Cây bắp:**

#### **2.1. Cơ cấu giống:**

Dùng các giống bắp lai: C919, NK66, NK67, NK72, LVN10, VN 8960, Bioseed 96-98, HN68, HN88, bắp nếp lai MX10, giống bắp nếp địa phương.

- Vùng đồng bằng: Sử dụng các giống: NK66, NK67, NK72, LVN10, VN 8960, Bioseed 96-98, C919, bắp nếp lai MX10, giống bắp nếp địa phương.

- Vùng miền núi: Các giống LVN10, VN8960, Bioseed 96-98, bắp nếp lai MX10, giống bắp nếp địa phương.

#### **2.2. Thời vụ:**

- Vùng tưới chủ động: Gieo Trồng từ 01/5/2025 đến 31/5/2025.

- Vụ trồng hưởng nước trời: Tùy theo tình hình thời tiết từng vùng, có thể gieo từ tháng 5-7/2025.

### **3. Cây đậu xanh:**

#### **3.1. Cơ cấu giống:**

Dùng giống chất lượng tốt, chống chịu hạn, sâu bệnh như: HL 89-E3, HL 28, DX 208 và một số giống đậu xanh cao sản.

### **3.2. Thời vụ:**

Trồng từ 01/5/2025 đến 31/5/2025.

### **4. Cây mía:**

#### **4.1. Cơ cấu giống:**

Dùng các giống chủ lực có năng suất, chịu hạn, chữ đường cao như: MY55-14, ROC 23, ROC 25, K88-92, K95-156, KK3, Suphaburi 7...

#### **4.2. Thời vụ:**

Trồng từ tháng 5-6/2025.

### **5. Cây Mì:**

#### **5.1. Cơ cấu giống:**

Chủ yếu sử dụng giống KM 94, KM 98, KM 228, KM 95

#### **5.2. Thời vụ:**

Tùy theo điều kiện từng vùng, tập trung trồng chính vụ từ tháng 5 - tháng 6/2025.

### **6. Cỏ chăn nuôi:**

#### **6.1. Cơ cấu giống:**

Sử dụng giống cỏ VA 06, giống cỏ mới Mulato II có hàm lượng Protein cao từ 19,4-22,3%, giống cỏ Cao lương lai CFSH 30, cỏ lai Superdan, cỏ lai Sweet Jumbo (là những giống cây trồng mới được Bộ Nông nghiệp và PTNT công nhận năm 2010, cho năng suất cao và giàu dinh dưỡng để cung cấp thức ăn phục vụ chăn nuôi). Ngoài ra, có thể sử dụng các giống cỏ khác như: cỏ Sả (cỏ Ghinê), cỏ Ruzi, các giống cỏ chịu hạn khác.

#### **6.2. Thời vụ:**

Nếu chủ động nước có thể trồng được quanh năm. Đặc biệt trong tình hình nắng hạn xảy ra, nên tận dụng tất cả những nơi có thể trồng được nhằm tăng cường khả năng cung cấp thức ăn cho đàn gia súc.

### **III. Lịch đóng nước:**

Thời gian cúp nước để nạo vét mương theo lệ hàng năm, đối với kênh chính Đông và kênh chính Tây vào ngày 15/4/2025 đến 23/4/2025.

### **IV. Các biện pháp chính trong vụ Hè Thu 2025:**

BQL 8 khu phố vận động nhân dân thường xuyên nạo vét các kênh mương nội đồng. Đồng thời tuân thủ theo lịch phân chia nước của trạm thủy nông huyện Ninh Sơn, đối với nhân dân phải thực hiện đúng theo lịch gieo trồng nhằm tránh

dịch bệnh (đặc biệt rầy nâu,...). Nếu hộ nào gieo sạ trễ không theo kế hoạch mà ảnh hưởng năng suất thấp hoặc mất trắng thì hộ đó tự chịu trách nhiệm.

Trên đây là kế hoạch triển khai về cơ cấu giống và thời vụ gieo trồng vụ Hè Thu 2025 đề nghị đài truyền thanh không dây thị trấn, BQL các khu phố thông báo rộng rãi bằng nhiều hình thức cho nhân dân được biết và thực hiện tốt./.

***Nơi nhận:***

- Phòng NN&MT huyện Ninh Sơn;
- TT HĐND, UB MTTQ.VN thị trấn;
- CT & các PCT thị trấn;
- Hội Nông dân thị trấn;
- Đài truyền thanh không dây thị trấn (T/b);
- BQL 8 Kp (thông báo);
- Lưu: VT, GTTL-NN.

**CHỦ TỊCH**

**Võ Đăng Kiên**

**UBND THỊ TRẤN TÂN SƠN**  
**BIỂU KẾ HOẠCH SẢN XUẤT VỤ HÈ THU NĂM 2025**

STT	Diện tích (ha)	Phân chia theo khu phố								Tổng (ha)
		Kp1	Kp2	Kp3	Kp4	Kp5	Kp6	Kp7	Kp8	
Cây lúa	ha	<b>79</b>	<b>90</b>	47	6	<b>123</b>	<b>29</b>	2	5	<b>381</b>
Cây bắp	ha	24	25	20	14	15	22	15	25	<b>160</b>
Đ. Các loại	ha	2	3	2	1	2	3	1	1	<b>15</b>
(Đậu xanh)	ha	1	2	2	0	1	1	0	0	<b>5</b>
Đậu phụng	ha	3	2	3	2	3	2	3	2	<b>20</b>
Rau quả các loại	ha	5	7	15	5	5	5	4	4	<b>50</b>
Cây Mía	ha	10	55	30	0	15	10	0	0	<b>120</b>
Cây Mì	ha	20	155	30	20	5	20	5	25	<b>280</b>
Cỏ chăn nuôi	ha	4	4	4	3	4	4	4	2	<b>29</b>
<b>Tổng diện tích</b>	<b>ha</b>	<b>148</b>	<b>388.5</b>	<b>107.8</b>	<b>51.25</b>	<b>173.5</b>	<b>95</b>	<b>34</b>	<b>64</b>	<b>1064</b>